

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/4/2022

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Bẩy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà ngày 08/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị V**, sinh năm 1964. Địa chỉ cư trú: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1954. Địa chỉ cư trú: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị V trình bày: Bà kết hôn với ông V vào ngày 05/5/2016 trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên kết hôn khi tuổi đã cao nên vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng về cách sống, cách sinh hoạt hàng ngày. Ngoài ra,

ông V có tính ghen tuông vô cớ, nhiều lần ông V chửi bới đánh đập bà nên vợ chồng không có sự chia sẻ, không có tình cảm và tình yêu thương tôn trọng nhau. Bản thân bà V và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo ông V, nhưng ông V không thay đổi mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy, từ tháng 10/2018 bà V đã dọn ra ngoài thuê nhà trọ ở riêng và vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay bà V xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng giữa bà và ông V không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng. Quan điểm của bà V xin được ly hôn ông V để giải phóng cho đôi bên khỏi giằng buộc.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: ông V xác định về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn đúng như bà V trình bày. Về nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà V theo ông là do bà V bỏ nhà đi 3 lần. Lần 1 vào năm 2018, ông bà có mâu thuẫn, ông có mắng bà V, bà V đã bỏ nhà đi 6 tháng; lần thứ 2 bà V bỏ đi vào tháng 8/2019, 03 tháng sau ông gọi điện bảo bà V về thì bà V đã về để tiếp tục chung sống với ông. Đến tháng 9/2020, ông bà có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, ông có mắng bà V, bà V đã bỏ đi kể từ đó cho đến nay. Sau khi bà V bỏ nhà đi lần 3, ông có đến tìm bà V về đoàn tụ, nhưng bà V không về và vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay bà V có đơn xin ly hôn ông, ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với bà V. Còn nếu bà V cố tình xin ly hôn ông thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Bà V và ông V đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: bà V có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm như trong biên bản lấy lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành thu thập. Ông V vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện VKS nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật; Về việc quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 01 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử cho bà Lê Thị V được ly hôn ông Nguyễn Văn V; Không đặt ra việc giải quyết về tài sản chung, nợ chung; bà V phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn V là bị đơn cư trú tại huyện Kim Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Bà V có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, ông V được triệu tập hợp lệ 2 lần vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bà V và ông V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị V và ông Nguyễn Văn V kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của bà Lê Thị V thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông V là do hai bên không hợp nhau về tính tính, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Mặc dù ông V không nhất trí ly hôn, song ông V cũng xác định trong khoảng thời gian mấy năm chung sống giữa ông và bà V nhiều lần xảy ra cãi nhau, bà V bỏ nhà đi 3 lần. Giữa ông V và bà V đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập ông V nhiều lần đến trụ sở Toà án để hoà giải, song ông V đều không đến. Điều đó thể hiện ông V đã bỏ mặc tình cảm vợ chồng chứ không mong muốn thực sự để hàn gắn đoàn tụ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho bà Lê Thị V được ly hôn ông Nguyễn Văn V là phù hợp.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị V và ông Nguyễn Văn V đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị V có đơn xin ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 01 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V, cho ly hôn giữa bà Lê Thị V và ông Nguyễn Văn V.

2. Về án phí: Bà Lê Thị V phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2020/0002505 ngày 13/10/2021. Bà V đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA Dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã T, huyện K;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Bích